

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 41

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sametel (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đồng Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Tự Cường	Thành viên
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Tự Cường	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thùy Linh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Phương	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

350734

NG TY
PHẦN
JETE

ORPO

178

ÔNG
TINH
OÁN
VIỆ
CHI NH
HÀ N
/ PHO

Số: 170/2026/RSMHN.A-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026
của Công ty Cổ phần Sametel***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sametel****Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sametel, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 41. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hoàng Thị Vinh

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2023-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại)
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.547.142.555	83.596.037.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.460.872.085	13.368.063.339
1. Tiền	111		5.460.872.085	13.368.063.339
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.583.120.000	43.107.592.781
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	54.592.680.000	42.688.750.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(3.009.560.000)	(50.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	468.842.781
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.731.386.275	20.031.463.351
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.100.009.849	24.996.884.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		289.576.535	431.425.260
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	1.262.753.262	3.575.434.419
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(11.920.953.371)	(8.972.280.940)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		771.764.195	7.088.918.134
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.6	189.264.480	184.307.431
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	5.15	582.499.715	904.610.703
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.15	-	6.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.258.869.403	72.046.881.411
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		121.134.640	116.134.640
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.4	121.134.640	116.134.640
II. Tài sản cố định	220		30.484.151.454	32.164.125.238
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	30.136.151.454	31.816.125.238
Nguyên giá	222		40.851.178.247	48.273.657.626
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.715.026.793)	(16.457.532.388)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	348.000.000	348.000.000
Nguyên giá	228		1.144.108.100	1.144.108.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(796.108.100)	(796.108.100)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		29.800.000.000	29.800.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.9	29.800.000.000	29.800.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260		6.750.000.000	6.750.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	5.10	6.750.000.000	6.750.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		103.583.309	3.216.621.533
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.6	103.583.309	3.216.621.533
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		140.806.011.958	155.642.919.016

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại)
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.638.765.008	97.396.445.998
I. Nợ ngắn hạn	310		43.759.243.997	94.254.403.979
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	25.244.976.995	25.255.218.626
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	80.872.889	52.252.083.914
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.13	176.044.500	176.044.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.15	2.630.603.187	265.661.352
5. Phải trả người lao động	315		222.634.115	155.535.095
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		6.274.994	12.004.844
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.14	2.249.142.629	2.531.455.284
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.16	11.374.226.802	11.830.032.478
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.774.467.886	1.776.367.886
II. Nợ dài hạn	330		1.879.521.011	3.142.042.019
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.16	1.879.521.011	3.142.042.019
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.17	95.167.246.950	58.246.473.018
I. Vốn chủ sở hữu	410		95.167.246.950	58.246.473.018
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65.607.390.000	65.607.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.607.390.000	65.607.390.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	420		29.559.856.950	(7.360.916.982)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(7.360.916.982)	(1.288.915.057)
- LNST chưa phân phối/(lỗ) kỳ này	420b		36.920.773.932	(6.072.001.925)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.806.011.958	155.642.919.016



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Đương

Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán

Đương

Nguyễn Tuyết Phương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETELTầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.903.997.489	14.331.398.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.903.997.489	14.331.398.313
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.125.862.675	20.150.757.989
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.778.134.814	(5.819.359.676)
6. Lãi/(lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	4.604.038.839	245.185.979
8. Chi phí tài chính	23	6.4	6.799.503.554	1.121.384.542
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		1.711.754.765	1.092.728.208
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	949.953.330	854.501.514
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.465.252.329	2.448.882.449
11. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.832.535.560)	(9.998.942.202)
12. Thu nhập khác	31	6.7	55.490.072.231	815.329.131
13. Chi phí khác	32	6.8	183.310.192	729.283.102
14. Lợi nhuận khác	40		55.306.762.039	86.046.029
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		50.474.226.479	(9.912.896.173)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	13.553.452.547	777.935.410
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.920.773.932	(10.690.831.583)
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17.4	5.628	(1.955)
20. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	5.17.4	5.628	(1.955)

Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2026Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toánNguyễn Tuyết Phương
Người lập

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sametel (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600850734 ngày 20/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó 16 lần với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 15/12/2025 để thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Ngày 30/7/2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội. Mã chứng khoán SMT.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 65.607.390.000 VND, chia thành 6.560.739 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung, Phường Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là:

- Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học.
- Cho thuê văn phòng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh như sau:

Tên	Mã số thuế	Địa chỉ
Văn phòng đại diện – Công ty CP Sametel	3600850734-001	Lầu 6, Số 31 Đường Số 18, P. Thống Nhất, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh TP. HCM – Công ty CP Sametel	3600850734-003	32 đường D5, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh (Công ty đang làm thủ tục giải thể chi nhánh).
Địa điểm kinh doanh 1 – Công ty CP Sametel	3600850734-005	Lô A3, Đường D1, KCN Cầu Tràm, Ấp Cầu Tràm, Xã Rạch Kiến, Tỉnh Tây Ninh
Địa điểm kinh doanh 2 – Công ty CP Sametel	3600850734-004	Nhà Xưởng+VP 3 và NX 4 tại Công ty TNHH An Thiên Ly, KCN Bàu Xéo, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

1.6 Số lượng lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 06 người (tại ngày 01/01/2026 là 07 người).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KỲ KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Kể từ năm tài chính 2026, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính, thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.2 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này không bao gồm đầy đủ các thuyết minh theo yêu cầu đối với Báo cáo tài chính năm. Trong phạm vi báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty tập trung trình bày các giao dịch và biến động trọng yếu phát sinh trong kỳ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Đối với các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp bị hạn chế sử dụng thì không được trình bày tại khoản mục này mà phải trình bày tại chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác hoặc Tài sản dài hạn khác.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập khi có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp khó có khả năng thu hồi hoặc không có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hay các khó khăn tương tự.

Số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi phải lập kỳ này lớn hơn hoặc nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết được hạch toán tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.4 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn. Các khoản này được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các nội dung sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ;
- Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí bảo trì, sửa chữa TSCĐ liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc, thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất của Công ty. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu được doanh nghiệp mua bán lại để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán ngay vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể.

Giá phí các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, đối với chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán niêm yết hoặc giá trị hợp lý chứng khoán được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của chứng khoán. Đối với chứng khoán kinh doanh không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)****Đối với các khoản đầu tư vào đơn vị khác**

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, căn cứ trích lập là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư. Việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

4.9 Nợ phải trả

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp. Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết, khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (như BHXH, BHYT,...).

Các khoản nợ phải trả phải được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, doanh nghiệp phải ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Khoản vốn góp của chủ sở hữu luôn được ghi nhận theo số thực góp, tuyệt đối không ghi nhận theo số cam kết sẽ góp hoặc số vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận tại thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc Điều lệ doanh nghiệp.

4.11 Doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi thỏa mãn các điều kiện: Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế; Xác định được phần công việc đã hoàn thành; và xác định được chi phí phát sinh. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.11 Doanh thu, thu nhập khác (tiếp)*****Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý. Trường hợp khoản thu nhỏ hơn giá trị còn lại và chi phí thanh lý thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí khác.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

4.14 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; Chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí khác,....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...). Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định bằng lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ (-) số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Số lượng cổ phiếu lưu hành không bao gồm cổ phiếu mua lại của chính mình.

4.16 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ (-) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, sau đó chia cho Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cộng (+) Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.17 Thuế****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN hiện hành. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp TNDN với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác không được ưu đãi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng ưu đãi theo lĩnh vực theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 đối với các dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

Theo đó, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với thu nhập thuộc lĩnh vực được ưu đãi nêu trên. Năm 2026 là năm thứ 06 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Bán điện, thanh lý tài sản 8% – 10%
- Dịch vụ cho thuê văn phòng 10%
- Lãi cho vay Không chịu thuế

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa theo quy định kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

Các loại thuế, phí và lệ phí khác

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được Công ty kê khai và nộp theo các quy định của pháp luật về thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/6/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền gửi không kỳ hạn	5.460.872.085	13.368.063.339
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.954.887.353	12.745.509.114
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.097.140.046	428.285.447
- Các ngân hàng khác	408.844.686	194.268.778
Cộng	5.460.872.085	13.368.063.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	Giá gốc (ii)	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị dự phòng	Giá gốc (ii)	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị dự phòng
Đầu tư cổ phiếu						
	Cổ phiếu MWG	28.395.240.000	27.335.000.000	(1.640.240.000)	8.270.000.000	8.850.000.000
	Cổ phiếu VPB	24.508.830.000	23.206.500.000	(1.302.330.000)	-	-
	Cổ phiếu FPT	1.688.610.000	1.621.620.000	(66.990.000)	-	-
	Cổ phiếu SHB	-	-	-	26.568.750.000	(50.000.000)
Cộng						
	54.592.680.000	52.163.120.000	(3.009.560.000)	42.688.750.000	43.898.750.000	(50.000.000)

(i) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh là cổ phiếu được xác định bằng giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán tại 30/6/2026. Số lượng chứng khoán kinh doanh nắm giữ tại ngày 30/6/2026 của Cổ phiếu MWG, VPB và FPT lần lượt là 350.000 cổ phiếu, 859.500 cổ phiếu và 23.100 cổ phiếu.

(ii) Tại ngày 30/6/2026, một phần số cổ phiếu nêu trên đã được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay ký quỹ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kafi (chi tiết tại Thuyết minh 5.16 – “Vay và nợ thuê tài chính”).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 2004/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2026, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc tiếp tục đầu tư chứng khoán, Công ty được phép thực hiện đầu tư chứng khoán với tổng giá trị đầu tư không vượt quá 70% tổng tài sản của Công ty theo Báo cáo tài chính gần nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/6/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu bên liên quan	13.050.142.816	(6.525.071.408)	13.429.323.588	(3.915.042.845)
Công ty TNHH FAFA Việt Nam	13.050.142.816	(6.525.071.408)	13.050.142.816	(3.915.042.845)
Công ty TNHH DH Năng lượng	-	-	379.180.772	-
Phải thu bên thứ ba	13.049.867.033	(4.556.601.937)	11.567.561.024	(4.116.655.625)
Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	4.861.294.431	(2.430.647.217)	4.861.294.431	(1.458.388.330)
Ông Hà Sỹ Tinh	2.706.133.278	-	2.706.133.278	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam (i)	2.050.000.000	-	1.863.636.364	(559.090.909)
Công ty CP Xây dựng Công trình Việt Nam	1.507.472.920	(1.507.472.920)	1.507.472.920	(1.507.472.920)
Công ty TNHH DH Năng lượng	379.180.772	-	-	-
Công ty khác	1.545.785.632	(618.481.800)	629.024.031	(591.703.466)
Cộng	26.100.009.849	(11.081.673.345)	24.996.884.612	(8.031.698.470)

(i) Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được toàn bộ công nợ của khách hàng Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.4 Phải thu khác

	Tại ngày 30/6/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn				
Bên liên quan				
Tạm ứng cho bà Vũ Thị Phương	40.000.000	-	-	-
	40.000.000	-	-	-
Bên thứ ba				
Tạm ứng	1.222.753.262	(546.938.194)	3.575.434.419	(648.240.638)
- Nguyễn Thị Thanh Hiền (i)	409.923.281	-	10.943.760	-
- Các nhân viên khác	409.923.281	-	7.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	3.943.760	-
Phải thu về bán chứng khoán	19.369.513	-	55.545.647	-
Phải thu lãi dự thu về cho vay	-	-	2.467.288.779	-
Phải thu khác	246.522.274	-	393.415.595	-
	546.938.194	(546.938.194)	648.240.638	(648.240.638)
Cộng	1.262.753.262	(546.938.194)	3.575.434.419	(648.240.638)
Dài hạn				
Bên thứ ba				
Ký cược, ký quỹ	121.134.640	(13.883.932)	116.134.640	(13.883.932)
	121.134.640	(13.883.932)	116.134.640	(13.883.932)
Cộng	121.134.640	(13.883.932)	116.134.640	(13.883.932)

(i) Khoản tạm ứng cho hoạt động hỗ trợ sang tên quyền sử dụng đất tòa nhà Gò Vấp của Công ty, thời gian hoàn ứng 30 ngày kể từ ngày tạm ứng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu lại khoản tạm ứng nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu khách hàng	22.097.934.198	11.016.260.854	(11.081.673.345)	21.911.570.562	13.879.872.092	(8.031.698.470)
Công ty TNHH FAFA Việt Nam - Bên liên quan	13.050.142.816	6.525.071.408	(6.525.071.408)	13.050.142.816	9.135.099.971	(3.915.042.845)
Công ty TNHH Thiết bị Điện Công nghiệp Hoàng Minh	4.861.294.431	2.430.647.215	(2.430.647.217)	4.861.294.431	3.402.906.101	(1.458.388.330)
Công ty CP Xây dựng Công trình Việt Nam	1.507.472.920	-	(1.507.472.920)	1.507.472.920	-	(1.507.472.920)
Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam (i)	2.050.000.000	2.050.000.000	-	1.863.636.364	1.304.545.455	(559.090.909)
Các khác hàng khác	629.024.031	10.542.231	(618.481.800)	629.024.031	37.320.565	(591.703.466)
Phải thu khác	560.822.126	-	(560.822.126)	662.124.570	-	(662.124.570)
Ký quỹ, ký cược	13.883.932	-	(13.883.932)	13.883.932	-	(13.883.932)
Phải thu khác	546.938.194	-	(546.938.194)	648.240.638	-	(648.240.638)
Trả trước cho người bán	278.457.900	-	(278.457.900)	278.457.900	-	(278.457.900)
Các đối tượng khác	278.457.900	-	(278.457.900)	278.457.900	-	(278.457.900)
Cộng	22.937.214.224	11.016.260.854	(11.920.953.371)	22.852.153.032	13.879.872.092	(8.972.280.940)

(i) Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được toàn bộ công nợ của khách hàng Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.6 Chi phí chờ phân bổ**

	Tại ngày 30/6/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn		
CCDC chờ phân bổ	12.968.978	-
Chi phí thuê mái nhà xưởng	156.136.843	130.369.192
Chi phí bảo trì, sửa chữa	6.763.336	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.395.323	53.938.239
Cộng	189.264.480	184.307.431
Dài hạn		
CCDC chờ phân bổ	6.499.380	-
Chi phí thuê đất (i)	-	3.028.255.104
Chi phí bảo trì, sửa chữa	59.846.862	86.040.586
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.237.067	102.325.843
Cộng	103.583.309	3.216.621.533

(i) Giá trị còn lại của Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Long Thành Đồng Nai liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và chuyển giao quyền thuê đất với Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam. Chi tiết xem tại thuyết minh 6.7 "Thu nhập khác".



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2026	12.444.637.206	34.446.837.693	1.304.832.727	77.350.000	48.273.657.626
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.320.554.837)	(129.000.000)	-	(7.449.554.837)
Điều chỉnh khác	27.075.458	-	-	-	27.075.458
Tại ngày 30/6/2026	12.471.712.664	27.126.282.856	1.175.832.727	77.350.000	40.851.178.247
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2026	443.594.318	15.079.558.348	857.029.722	77.350.000	16.457.532.388
Khấu hao	240.000.000	631.127.336	74.633.832	-	945.761.168
Phân loại lại	55.840.773	(55.840.773)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.588.877.669)	(129.000.000)	-	(6.717.877.669)
Điều chỉnh khác	29.610.906	-	-	-	29.610.906
Tại ngày 30/6/2026	769.045.997	9.065.967.242	802.663.554	77.350.000	10.715.026.793
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2026	12.001.042.888	19.367.279.345	447.803.005	-	31.816.125.238
Tại ngày 30/6/2026	11.702.666.667	18.060.315.614	373.169.173	-	30.136.151.454

Tại ngày 30/6/2026, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 549.062.664 VND (tại ngày 01/01/2026 là 5.742.528.069 VND).

Công ty đã thể chấp các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2026 là 18.060.315.617 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (tại ngày 01/01/2026 là 18.683.127.185 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETELTầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.7 Tài sản cố định hữu hình (tiếp)**

Chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình tại ngày 30/6/2026 như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Nhà xưởng, vật kiến trúc:	12.471.712.664	769.045.997	11.702.666.667
- Bất động sản tại địa chỉ số 31-33 Đường số 18, Phường 08, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh (i)	12.000.000.000	297.333.333	11.702.666.667
- Nhà cửa khác	471.712.664	471.712.664	-
Máy móc, thiết bị:	27.126.282.856	9.065.967.242	18.060.315.614
- Hệ thống điện mặt trời tại Công ty TNHH An Thiên Lý (2004DNI6) 1,135.7kWp	13.628.329.785	4.648.911.395	8.979.418.390
- Hệ thống điện mặt trời tại Công ty Trung Thành 1,127.5kWp	13.497.953.071	4.417.055.847	9.080.897.224
Phương tiện, vận tải	1.175.832.727	802.663.554	373.169.173
- Xe ô tô 7 chỗ (Ford Everest)	1.175.832.727	802.663.554	373.169.173
Thiết bị, dụng cụ quản lý	77.350.000	77.350.000	-
- Máy chủ IBM X3500 M3	77.350.000	77.350.000	-
Tại ngày 30/6/2026	40.851.178.247	10.715.026.793	30.136.151.454

(i) Đây là giá trị tòa nhà tại số 31-33 Đường số 18, Phường 8 (nay là Phường Tây Hội), Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh được Công ty cho thuê trong kỳ. Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.9 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETELTầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.8 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2026	348.000.000	711.158.600	84.949.500	1.144.108.100
Tại ngày 30/6/2026	348.000.000	711.158.600	84.949.500	1.144.108.100
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2026	-	711.158.600	84.949.500	796.108.100
Tại ngày 30/6/2026	-	711.158.600	84.949.500	796.108.100
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2026	348.000.000	-	-	348.000.000
Tại ngày 30/6/2026	348.000.000	-	-	348.000.000

Tại ngày 30/6/2026, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 796.108.100 VND (tại ngày 01/01/2026 là 796.108.100 VND).

(i) Đây là giá trị quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng số 0111/CN-SAMETEL ngày 14/11/2007 và Hợp đồng số 0211/CN-SAMETEL ngày 26/11/2007. Tại thời điểm 30/6/2026, Công ty chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà tập thể Long Thành với nguyên giá 348.000.000 VND.

Chi tiết danh mục các TSCĐ vô hình tại ngày 30/6/2026 như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Quyền sử dụng đất:	348.000.000	-	348.000.000
- Quyền sử dụng đất nhà tập thể Long Thành	348.000.000	-	348.000.000
Phần mềm máy vi tính:	711.158.600	711.158.600	-
- Phần mềm solidword standard 2019	293.580.000	293.580.000	-
- Phần mềm solidword Standard 2021	180.863.000	180.863.000	-
- Phần mềm solidword Premium 2019	146.790.000	146.790.000	-
- Phần mềm khác	89.925.600	89.925.600	-
Tài sản cố định khác	84.949.500	84.949.500	-
- Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001;2008	84.949.500	84.949.500	-
Tại ngày 30/6/2026	1.144.108.100	796.108.100	348.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BÓ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/6/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Mua sắm tài sản cố định	29.800.000.000	29.800.000.000	29.800.000.000	29.800.000.000
	Quyền sử dụng đất (i)	29.800.000.000	29.800.000.000	29.800.000.000
Cộng	29.800.000.000	29.800.000.000	29.800.000.000	29.800.000.000

(i) Đây là giá trị quyền sử dụng đất theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Gò Vấp với Công ty TNHH DH Asset. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo nguyên tắc thỏa thuận ký ngày 02/01/2026 giữa Công ty và Công ty Cổ phần DH Asset, Công ty được quyền khai thác tòa nhà trong quá trình làm thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư Global Minds Fund I	6.750.000.000	6.750.000.000	-	6.750.000.000	6.750.000.000	-
Cộng	6.750.000.000	6.750.000.000	-	6.750.000.000	6.750.000.000	-

Khoản đầu tư bao gồm 675.000 cổ phiếu ưu đãi hoàn lại, tương ứng 33,33% vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Global Minds Fund I. Các cổ phiếu này không có quyền biểu quyết, do đó Công ty không có quyền tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị được đầu tư. Vì vậy, khoản đầu tư được phân loại và ghi nhận là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá.

Tại ngày 30/6/2026, căn cứ theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Global Minds Fund I, Ban Tổng giám đốc đánh giá không cần thiết phải thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác trên báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETELTầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Bên liên quan		20.000.000.000
Công ty TNHH DH Asset (i)		20.000.000.000
Bên thứ ba	20.104.315.033	114.556.664
Công ty TNHH DH Asset (i)	20.000.000.000	
Các nhà cung cấp khác	104.315.033	114.556.664
Bên thứ ba - số nợ quá hạn chưa thanh toán	5.140.661.962	5.140.661.962
Công ty Cổ phần VKC Holdings	3.236.105.523	3.236.105.523
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị điện An Phú	1.105.934.701	1.105.934.701
Các nhà cung cấp khác	798.621.738	798.621.738
Cộng	25.244.976.995	25.255.218.626

(i) Khoản phải trả Công ty TNHH DH Asset từ hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Gò Vấp. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 5.9 – “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”.

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Bên thứ ba	80.872.889	52.252.083.914
Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam	-	52.171.211.025
Các khách hàng khác	80.872.889	80.872.889
Cộng	80.872.889	52.252.083.914

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.13 Phải trả cổ tức, lợi nhuận**

	Tại ngày 30/6/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	176.044.500	176.044.500
Cộng	176.044.500	176.044.500

Tại ngày 30/6/2026, một số khoản cổ tức năm 2024 của các cổ đông nắm giữ cổ phần chưa lưu ký chưa được chi trả do cổ đông chưa liên lạc với Công ty.

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/6/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Bên thứ ba	2.249.142.629	2.531.455.284
Kinh phí công đoàn	32.613.600	31.927.600
BHXX, BHYT, BHTN	10.764.300	-
Điều chỉnh thuế GTGT phải nộp (i)	2.175.949.475	2.175.949.475
Các khoản phải trả khác	29.815.254	323.578.209
- Các khoản phải trả khác quá hạn	29.815.254	131.117.698
- Các khoản phải trả khác	-	192.460.511
Cộng	2.249.142.629	2.531.455.284

(i) Đây là chênh lệch giữa số thuế GTGT phải nộp theo sổ kế toán và số liệu trên các tờ khai thuế GTGT đã nộp. Công ty hiện đang làm việc với cơ quan Thuế để làm rõ nguyên nhân chênh lệch và sẽ thực hiện điều chỉnh theo kết quả làm việc trong thời gian tới.

34 - VIỆT
TY
IN
EL
ORATION

2-0
TY
H
TU
TN
AN
OI
H

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.15 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2026		Trong kỳ		Tại ngày 30/6/2026	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	904.610.703		213.900.812	536.011.800	582.499.715	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	6.000.000.000	-	536.011.800	6.536.011.800	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	11.214.348.979	13.553.452.547	-	2.339.103.568
Thuế thu nhập cá nhân	-	265.661.352	49.530.846	75.369.113	-	291.499.619
Cộng	6.000.000.000	265.661.352	11.799.891.625	20.164.833.460	-	2.630.603.187



CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 01/01/2026 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 30/6/2026 VND
		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn				
<i>Bên thứ ba</i>	9.304.990.462	139.105.985.800	139.561.791.476	8.849.184.786
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (i)	9.304.990.462	139.105.985.800	139.561.791.476	8.849.184.786
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kafi (i)	-	12.482.993.453	5.851.872.000	6.631.121.453
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch	5.614.856.500	126.622.992.347	130.019.785.514	2.218.063.333
	3.690.133.962	-	3.690.133.962	-
Vay dài hạn đến hạn trả				
<i>Bên thứ ba</i>	2.525.042.016	1.262.521.008	1.262.521.008	2.525.042.016
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TP. Hồ Chí Minh (ii)	2.525.042.016	1.262.521.008	1.262.521.008	2.525.042.016
Cộng	11.830.032.478	140.368.506.808	140.824.312.484	11.374.226.802
Vay dài hạn				
<i>Bên thứ ba</i>	3.142.042.019	-	1.262.521.008	1.879.521.011
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TP. Hồ Chí Minh (ii)	3.142.042.019	-	1.262.521.008	1.879.521.011
	3.142.042.019	-	1.262.521.008	1.879.521.011
Cộng	3.142.042.019	-	1.262.521.008	1.879.521.011



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BÓ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

Chi tiết các khoản vay còn số dư tại ngày 30/6/2026 như sau:

(i) Khoản vay margin Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kafi với lãi suất là 12%/năm, mục đích để Công ty thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán.

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức vay (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
(ii) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TP. Hồ Chí Minh	47/2020/HDTD/ NOH/02 ngày 28/09/2020	9.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ	84 tháng	Thanh toán các chi phí đầu tư dự án điện mặt trời áp mái, tại huyện Trảng Bom, Đồng Nai	- Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án; - Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty Điện lực Đồng Nai hoặc Công ty con hoặc Chi nhánh của Công ty Điện lực Đồng Nai
	47/2020/HDTD/ NOH/03 ngày 11/05/2021	9.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ	84 tháng	Thanh toán các chi phí đầu tư dự án điện mặt trời áp mái, tại huyện Cần Đước, Long An	- Quyền khai thác và quản lý dự án, bao gồm quyền sử dụng, hưởng lợi và lợi tức phát sinh; - Nguồn thu, thu nhập và giá trị gia tăng từ dự án hoặc từ các quyền liên quan; - Quyền nhận toàn bộ khoản thanh toán liên quan đến dự án: thu nhập, bồi hoàn, hoàn trả, phạt vi phạm,... - Tài sản hữu hình và vô hình gắn liền với dự án; - Quyền đòi nợ (gốc, lãi, phạt, bồi thường) theo Hợp đồng số 20/ĐMT58502 ngày 25/12/2020 với Tổng Công ty Điện lực Miền Nam – TNHH Điện lực Cần Đước, với tổng giá trị thanh toán là 62,52 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.17 Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	54.674.320.000	3.816.120.000	6.929.018.235	1.632.732.708	67.052.190.943
Góp vốn (Lỗ) trong năm	10.933.070.000	(3.816.120.000)	(6.929.018.235)	(187.931.765)	-
Trả cổ tức	-	-	-	(6.072.001.925)	(6.072.001.925)
	-	-	-	(2.733.716.000)	(2.733.716.000)
Tại ngày 31/12/2025	65.607.390.000	-	-	(7.360.916.982)	58.246.473.018
Tại ngày 01/01/2026	65.607.390.000	-	-	(7.360.916.982)	58.246.473.018
Lãi trong kỳ	-	-	-	36.920.773.932	36.920.773.932
Tại ngày 30/6/2026	65.607.390.000	-	-	29.559.856.950	95.167.246.950

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETELTầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.17 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Năng Hoà	11.668.400.000	17,78	2.936.400.000	4,47
Bà Trần Thị Thùy Dương	9.313.200.000	14,20	9.313.200.000	14,20
Ông Nguyễn Đông Hưng	3.214.800.000	4,90	3.214.800.000	4,90
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	3.214.800.000	4,90	3.214.800.000	4,90
Ông Nguyễn Ngọc Huy	3.214.800.000	4,90	3.214.800.000	4,90
Bà Trần Thùy Linh	3.214.800.000	4,90	3.214.800.000	4,90
Bà Vũ Thị Phương	3.214.800.000	4,90	3.214.800.000	4,90
Các cổ đông khác	28.551.790.000	43,52	37.283.790.000	56,83
Cộng	65.607.390.000	100	65.607.390.000	100

5.17.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2026 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.560.739	6.560.739
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.560.739	6.560.739
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	6.560.739	6.560.739
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.560.739	6.560.739
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	6.560.739	6.560.739
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETELTầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.17 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****5.17.4 Lãi/(lỗ) cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.920.773.932	(10.690.831.583)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	6.560.739	5.467.432
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	5.628	(1.955)

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

5.17.5 Giao dịch về vốn

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	65.607.390.000	54.674.320.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	65.607.390.000	54.674.320.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETELTầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu cung cấp điện năng lượng mặt trời	2.759.881.701	3.496.302.441
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.144.115.788	-
Doanh thu bán hàng hóa	-	10.835.095.872
Cộng	3.903.997.489	14.331.398.313

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn cung cấp điện năng lượng mặt trời	885.862.675	946.508.015
Giá vốn của dịch vụ cho thuê	240.000.000	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	10.438.683.181
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	8.765.566.793
Cộng	1.125.862.675	20.150.757.989

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	491.197.726	245.185.979
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	4.098.806.070	-
Doanh thu tài chính khác	14.035.043	-
Cộng	4.604.038.839	245.185.979

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền vay	1.711.754.765	1.092.728.208
Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh	1.768.420.000	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.959.560.000	-
Lãi thuê tài chính	-	28.656.334
Chi phí tài chính khác	359.768.789	-
Cộng	6.799.503.554	1.121.384.542

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	680.488.770	414.587.478
Chi phí dụng cụ đồ dùng	69.343.872	89.145.812
Chi phí khấu hao tài sản	1.597.966	10.249.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.742.184	176.600.751
Chi phí khác bằng tiền	130.780.538	163.918.447
Cộng	949.953.330	854.501.514

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	421.568.956	592.008.231
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	6.361.204	132.229.817
Chi phí khấu hao tài sản	81.351.634	437.728.109
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.948.672.431	829.399.613
Thuế và các khoản lệ phí	-	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	923.961.038	313.559.852
Chi phí khác bằng tiền	83.337.066	136.956.827
Cộng	4.465.252.329	2.448.882.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**6.7 Thu nhập khác**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thanh lý, nhượng bán quyền thuê đất, tài sản cố định (i)	55.490.067.728	483.475.777
Các khoản khác	4.503	331.853.354
Cộng	55.490.072.231	815.329.131

(i) Chi tiết về thanh lý tài sản cố định trong kỳ:

Giao dịch	Giá trị (VND)
1. Giao dịch chuyển nhượng quyền thuê đất	56.071.744.896
Thu nhập từ chuyển giao quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai (ii)	60.000.000.000
Chi phí giá vốn (giá trị còn lại tiền thuê đất khu công nghiệp)	(3.028.255.104)
Chi phí môi giới chuyển nhượng	(900.000.000)
2. (Lỗ) thanh lý tài sản cố định khác	(581.677.168)
Cộng	55.490.067.728

(ii) Ngày 14/01/2026, Công ty thực hiện thanh lý hợp đồng thuê lại đất với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Zhouyingshe Việt Nam (bên nhận chuyển nhượng quyền thuê đất và tài sản trên đất) đã ký thợp đồng thuê lại đất với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành cùng ngày 14/01/2026.

6.8 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí thi hành án dân sự sau khi bù trừ nợ phải trả	148.630.148	-
Các khoản bị phạt	-	700.746.232
Các khoản khác	34.680.044	28.536.870
Cộng	183.310.192	729.283.102

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lợi nhuận(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50.474.226.479	(9.912.896.173)
Điều chỉnh các khoản	4.451.595.943	2.651.631.312
Chi phí không được trừ	32.144.596	28.508.090
Các khoản phạt chậm nộp	250.221.877	700.746.232
Tăng dự phòng phải thu khó đòi	2.948.672.431	829.399.613
Chi phí lãi vay không được trừ kỳ này (ii)	1.220.557.039	1.092.977.377
Thu nhập chịu thuế	54.925.822.422	(7.261.264.861)
Thu nhập tính thuế trong kỳ	54.925.822.422	(7.261.264.861)
Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất ưu đãi	(2.052.129.795)	1.939.308.459
Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất phổ thông	906.207.321	(9.200.573.320)
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (i)	56.071.744.896	-
Thuế suất ưu đãi (%)	10%	10%
Thuế suất phổ thông (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	11.214.348.979	-
Truy thu thuế TNDN theo Quyết định số 502/QĐ-XPHC ngày 05/3/2025	-	777.935.410
Thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (i)	2.339.103.568	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	13.553.452.547	777.935.410
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	77.567.525
Điều chỉnh số dư thuế TNDN phải nộp kỳ trước	-	123.462.511
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(11.214.348.979)	(978.965.446)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.339.103.568	-

(i) Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chi tiết tại thuyết minh 6.7 Thu nhập khác.

(ii) Các khoản chi phí lãi vay tạm thời không được trừ được phép chuyển tiếp vào các kỳ tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ kỳ tiếp theo kỳ phát sinh chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nhân công	1.102.057.726	1.035.147.931
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	10.438.683.181
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	75.705.076	501.796.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	945.761.168	1.696.375.223
Chi phí phân bổ từ việc bán và thuê lại tài sản tài chính	-	(625.586.520)
Thuế và các khoản lệ phí	-	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.254.754.329	504.883.767
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	8.765.566.793
Dự phòng phải thu khó đòi	2.948.672.431	829.399.613
Chi phí khác bằng tiền	214.117.604	300.875.274
Cộng	6.541.068.334	23.454.141.952

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH FAFA Việt Nam	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT là Ông Nguyễn Đông Hưng
Công ty TNHH DH Asset (i)	Cổ đông chiếm 4,68%
Bà Hoàng Thị Bích Thảo (i)	Cổ đông chiếm 4,32%, là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH DH Asset
Ông Nguyễn Hoàn Lâm (i)	Cổ đông chiếm 4,96%, là chồng của Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Bà Hoàng Thị Thu Hiền (i)	Cổ đông chiếm 4,54%, là em gái của Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Công ty TNHH DH Năng lượng (i)	Bà Hoàng Thị Bích Thảo là người đại diện theo pháp luật của Công ty
Cổ đông lớn, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty	

(i) Trong kỳ, các cá nhân, tổ chức đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty, số cổ phần sở hữu tại ngày 30/6/2026 là không đáng kể. Do đó, các cá nhân tổ chức nêu trên không còn là bên liên quan tại ngày 30/6/2026. Ngày 02/3/2026, ông Nguyễn Hoàn Lâm đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn tại công ty. Do đó, kể từ ngày 02/3/2026 ông Nguyễn Hoàn Lâm không còn là bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)****Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Cho vay

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Ông Nguyễn Hoàn Lâm		
- Cho vay	16.000.000.000	-
- Thu gốc vay	16.000.000.000	-
- Lãi vay phát sinh	486.209.945	-
- Lãi vay đã thu	239.687.671	-

Giao dịch khác

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Bà Vũ Thị Phương		
- Tạm ứng	41.080.000	1.025.000.000
- Hoàn ứng	1.080.000	407.229.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	74.979.592	145.716.577
Bà Vũ Thị Phương - Tổng Giám đốc	74.979.592	145.716.577
Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị	-	-
Tổng thu nhập của Ủy ban kiểm toán	-	-
Cộng	74.979.592	145.716.577

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh 5.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh 5.4 "Phải thu khác";
- Thuyết minh 5.5 "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi";
- Thuyết minh 5.11 "Phải trả người bán ngắn hạn";

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2026.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

Đây là năm đầu tiên Công ty áp dụng thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của kỳ trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.

Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ:

Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
Đầu tư tài chính			
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	468.842.781	468.842.781
2. Phải thu về cho vay	468.842.781	(468.842.781)	-
Nợ phải trả			
Nợ ngắn hạn			
1. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	176.044.500	176.044.500
2. Phải trả ngắn hạn khác	2.707.499.784	(176.044.500)	2.531.455.284



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Đương
Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán

Đương
Nguyễn Tuyết Phương
Người lập

